

Số: 2920/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025;
Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sơn La năm 2023 và năm 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh số 1717/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030; số 1940/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 phê duyệt đề cương và dự toán lập điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2021- 2025, lập Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 và năm 2024;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 495/TTr-SXD ngày 26/12/2023, Báo cáo số 876/BC-SXD ngày 31/12/2023; Kết quả biểu quyết của Thành viên UBND tỉnh tại Thông báo số 459/TB-VPUB ngày 28/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sơn La giai đoạn 2021- 2025; Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sơn La năm 2023 và năm 2024 ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng:

1.1. Tham mưu tổ chức lập Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm và đánh giá sơ kết, tổng kết quá trình thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn

tỉnh; thực hiện Công bố Kế hoạch và chuyển giao hồ sơ cho các cơ quan quản lý theo quy định.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc, giải quyết hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các trường hợp vượt thẩm quyền.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản hồi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành của tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng các Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban TT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Như Điều 3;
- Văn phòng UBND tỉnh (LDVP; KT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT, Giang18b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở
GIAI ĐOẠN 2021-2025; KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở
TỈNH SƠN LA NĂM 2023 VÀ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh)

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TỈNH SƠN LA

Điều chỉnh định hướng phát triển nhà ở theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030 đã được phê duyệt, cụ thể:

Dựa trên một số đặc trưng và phạm vi ảnh hưởng, toàn bộ lãnh thổ Sơn La được phân chia thành 03 vùng không gian rộng lớn. Theo đó, từng khu vực sẽ đảm nhận các vai trò, chức năng nhiệm vụ riêng biệt cũng như tận dụng tối đa tiềm năng vốn có, phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch đầu tư dài hạn, khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Vùng I - Vùng Đô thị hóa:

Đây là vùng sẽ tập trung vào phát triển trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và du lịch với thế mạnh là đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội của vùng Tây Bắc Bộ với các địa phương và khu vực quốc tế lân cận. Trong đó, tập trung:

+ Đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở sản xuất công nghiệp hiện có và tận dụng tiềm năng đất đai của khu vực để tạo ra các vùng nguyên liệu chất lượng cao, mang lại giá trị về mặt hàng hoá cũng như giá trị về hình mẫu ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại.

+ Đồng thời, xây dựng vùng trở thành một khu vực động lực theo mô hình trung tâm và các vệ tinh, mỗi vệ tinh sẽ đảm nhiệm những vai trò, chức năng khác nhau, được liên kết chia sẻ bởi hệ thống hạ tầng liên kết nội vùng đồng bộ. Qua đó sẽ tránh được tối đa tình trạng quá tải, phát triển vượt ngưỡng, đảm bảo các yêu cầu cần thiết về mặt kiến trúc cảnh quan cho khu vực.

- Vùng II - Vùng nguyên liệu nông sản giá trị cao:

Trong bối cảnh cả nước đang đẩy mạnh tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp, vùng nguyên liệu nông sản giá trị cao được hình thành sẽ là điểm khởi đầu và là nền tảng để phát triển các chuỗi giá trị nông sản hiệu quả, bền vững cho địa phương nhờ vào việc:

+ Phát triển các vùng cây công nghiệp chất lượng cao, đảm bảo tính bền vững trong giới hạn khai thác được cho phép. Bên cạnh đó, phát triển các cơ sở tiêu thụ công nghiệp làm tiền đề hình thành các khu, cụm sản xuất công nghiệp tập trung, quy mô lớn, đem lại giá trị sản xuất vượt trội;

+ Phát triển các đô thị vừa và nhỏ gắn với các cơ sở động lực phát triển kinh tế, đặc biệt là các cơ sở chế biến nông sản nhằm nâng cao giá trị hàng hóa của các vùng nguyên liệu, giải quyết các vấn đề về lao động trong vùng;

+ Phát triển các thị trấn và điểm dân cư nông thôn tập trung, tránh tối đa tình trạng phân tán nhỏ lẻ, điều kiện hạ tầng không đảm bảo làm ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của người dân.

- Vùng III - Vùng Bảo tồn và phát huy giá trị thiên nhiên:

Đây là khu vực dự trữ tự nhiên, bảo toàn các loài sinh cảnh được lập với mục đích đảm bảo diễn thế sinh tái tự nhiên trên cơ sở:

+ Bảo tồn và phát huy giá trị rừng, đặc biệt các khu vực vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên;

+ Phát triển du lịch sinh thái, văn hóa kết hợp nghiên cứu khoa học, khám phá...;

+ Không phát triển các dự án xây dựng quy mô lớn, chỉ phát triển các đô thị, khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng cao cấp và khu hành chính tại các địa điểm cho phép trong khu vực vườn quốc gia để phục vụ quản lý và du lịch. Không phát triển về số lượng dân cư, đồng thời dịch chuyển dần lượng dân cư hiện có đang sinh sống trong khu vực (nhất là các khu bảo tồn thiên nhiên) tập trung về các đô thị du lịch, các trung tâm xã và các điểm dân cư nông thôn phân bố tại vùng ven;

+ Khoanh vùng vành đai phát triển với các khu vực bảo tồn, phát huy tối đa giá trị cảnh quan thiên nhiên, nâng diện tích che phủ rừng. Các vùng bảo tồn nghiêm ngặt sẽ bao gồm các loại khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu bảo tồn chuyên theo chuyên đề (Thông nước, rừng cảnh quan...)...;

Nhìn chung, với việc phân chia các vùng không gian lãnh thổ nêu trên sẽ là tiền đề tạo nên động lực to lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian sắp tới. Đặc biệt, trong đó, thị trường nhà ở và bất động sản cũng sẽ được tạo điều kiện phát triển một cách mạnh mẽ, góp phần to lớn đến việc ổn định cuộc sống người dân, đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời thúc đẩy phát triển khu vực đô thị và nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở

1. Diện tích nhà ở bình quân

1.1 Bổ sung chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người năm 2023, năm 2024, cụ thể:

- Năm 2023: Diện tích sàn nhà ở bình quân trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 18,3 m²/người (trong đó, khu vực đô thị đạt khoảng 29,2 m²/người, khu vực nông thôn đạt khoảng 16,5 m²/người).

- Năm 2024: Diện tích sàn nhà ở bình quân trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 19,6 m²/người (trong đó, khu vực đô thị đạt khoảng 31,4 m²/người, khu vực nông thôn đạt khoảng 17,4 m²/người).

1.2 Điều chỉnh chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người đến 2025, cụ thể:

- Chỉ tiêu đã được phê duyệt: Diện tích sàn nhà ở trên địa bàn tỉnh bình quân là 20 m²/người (khu vực đô thị là 30 m²/người; khu vực nông thôn là 17,9 m²/người).

- Chỉ tiêu điều chỉnh: Diện tích sàn nhà ở bình quân trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 21,1 m²/người (trong đó, khu vực đô thị đạt khoảng 33,0 m²/người, khu vực nông thôn đạt khoảng 18,0 m²/người).

2. Chỉ tiêu phát triển các loại hình nhà ở

TT	Loại nhà ở	Năm 2023		Năm 2024		Đến năm 2025	
		Số căn	Diện tích (m ² sàn)	Số căn	Diện tích (m ² sàn)	Số căn	Diện tích (m ² sàn)
1	Nhà ở thương mại	68	12.412	2.949	737.441	6.300	1.575.270
2	Nhà ở xã hội	-	-	230	11.000	1.680	95.240
2.1	Nhà ở cho công nhân	-	-	140	5.600	278	11.120
2.2	Nhà ở cho người thu nhập thấp	-	-	90	5.400	1.402	84.120
3	Nhà ở dân tự xây	5.250	488.054	11.607	1.571.384	33.843	4.285.929
3.1	Nhà ở người có công với Cách mạng	228	13.680	232	13.920	973	58.380
3.2	Nhà ở hộ gia đình nghèo và cận nghèo	1.183	70.980	1.526	91.560	7.612	456.720
3.3	Nhà ở người dân tự xây dựng trên đất tái định cư	-	-	230	23.000	361	36.100
3.4	Nhà ở do người dân tự xây dựng	3.839	403.394	9.619	1.442.904	24.897	3.734.729
Tổng		5.318	500.466	14.786	2.319.825	41.823	5.956.438

3. Quỹ đất phát triển nhà ở: Điều chỉnh quỹ đất phát triển nhà ở đến năm 2025 và quỹ đất thực hiện trong năm 2023, năm 2024, cụ thể:

3.1 Quỹ đất phát triển nhà ở đã được phê duyệt:

TT	Loại nhà ở	Năm 2021		Giai đoạn 2021 - 2025	
		Số căn	Diện tích (m ²)	Số căn	Diện tích (m ²)
I	Nhà ở thương mại	441	116.296	2.404	405.985
II	Nhà ở công vụ	0	0	11	990
III	Nhà ở xã hội	374	26.160	1.869	186.000
1	Nhà ở xã hội cho các đối tượng	374	26.160	1.869	130.800
2	Nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động khu công nghiệp				55.200

TT	Loại nhà ở	Năm 2021		Giai đoạn 2021 - 2025	
		Số căn	Diện tích (m ²)	Số căn	Diện tích (m ²)
3	Nhà ở xã hội cho sinh viên				
V	Nhà ở dân tự xây	11.002	1.523.339	53.068	6.041.363
1	Hộ gia đình người có công được hỗ trợ xây mới nhà ở	0	0		
2	Hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở	1.115	44.616	5.577	223.080
3	Nhà ở do người dân xây dựng trên đất nền thương mại tại các dự án	287	275.309,2	1.437	291.773
4	Nhà ở do người dân xây dựng trên đất được bố trí để tái định cư	389	268.500	1.943	107.400
5	Nhà ở do người dân xây dựng trong các khu dân cư hiện hữu	9.211	934.913,8	46.054	5.526.510
Tổng		11.817	1.665.795	57.341	6.503.538

3.2. Quỹ đất phát triển nhà ở đến năm 2025 cần điều chỉnh:

TT	Loại nhà ở	Dự kiến diện tích sàn nhà ở năm 2023 (m ² sàn)	Dự kiến diện tích sàn nhà ở năm 2024 (m ² sàn)	Dự kiến diện tích sàn nhà ở đến năm 2025 (m ² sàn)	Quỹ đất để phát triển nhà ở (ha)		
					Năm 2023	Năm 2024	Đến năm 2025
1	Nhà ở thương mại	12.412	737.441	1.575.270	1,7	98,3	210,0
2	Nhà ở xã hội	-	11.000	95.240	-	0,7	6,6
2.1	Nhà ở cho công nhân	-	5.600	11.120	-	0,4	0,7
2.2	Nhà ở cho người thu nhập thấp	-	5.400	84.120	-	0,4	5,8
3	Nhà ở dân tự xây	488.054	1.571.384	4.285.929	46,5	149,7	408,2
Toàn tỉnh		500.466	2.319.825	5.956.438	48,1	248,7	624,8

4. Nhu cầu vốn phát triển nhà ở: Điều chỉnh nguồn vốn để phát triển nhà ở đến năm 2025 và nguồn vốn thực hiện trong năm 2023, năm 2024, cụ thể:

4.1 Nguồn vốn đã được phê duyệt: Giai đoạn 2021-2025: Tổng kinh phí để phát triển nhà ở khoảng 30.668,7 tỷ đồng (Trong đó: vốn ngân sách 109,7 tỷ đồng; vốn khác 30.559 tỷ đồng).

- Đề xuất nguồn vốn thực hiện:

+ Về nguồn vốn ngân sách: Lồng ghép trong các chương trình mục tiêu, chính sách hỗ trợ theo quy định pháp luật. Đối với các nguồn vốn thuộc đầu tư

công, UBND các huyện, thành phố tổng hợp trình HĐND tỉnh thông qua chủ trương, UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

+ Về nguồn vốn khác: Thu hút đầu tư thực hiện các dự án nhà ở thương mại, phát triển đô thị, khu dân cư hoặc do người dân tự bố trí để xây dựng nhà ở riêng lẻ.

4.2. Nguồn vốn điều chỉnh đến năm 2025 và thực hiện trong năm 2023, năm 2024:

- Năm 2023: Tổng nhu cầu vốn để phát triển nhà ở dự kiến khoảng 3.801 tỷ đồng (*Trong đó, nguồn vốn Nhà nước khoảng 56 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp khoảng 101 tỷ đồng, vốn hỗ trợ khoảng 64 tỷ đồng, còn lại khoảng 3.579 tỷ đồng là vốn người dân*).

- Năm 2024: Tổng nhu cầu vốn để phát triển nhà ở dự kiến khoảng 17.987 tỷ đồng (*Trong đó, nguồn vốn Nhà nước khoảng 61 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp khoảng 6.074 tỷ đồng, vốn hỗ trợ khoảng 97 tỷ đồng, còn lại khoảng 11.754 tỷ đồng là vốn người dân*).

- Đến năm 2025: Tổng nhu cầu vốn để phát triển nhà ở dự kiến khoảng 45.935 tỷ đồng (*Trong đó, nguồn vốn Nhà nước khoảng 343 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp khoảng 13.445 tỷ đồng, vốn hỗ trợ khoảng 418 tỷ đồng, còn lại khoảng 31.729 tỷ đồng là vốn người dân*).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Điều chỉnh và bổ sung các giải pháp phát triển nhà ở theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030 đã được phê duyệt, cụ thể: Nhóm giải pháp phát triển nhà ở theo khu vực; Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách, cơ cấu tổ chức và quản lý; Giải pháp cải cách thủ tục hành chính, thủ tục đầu tư; Nhóm giải pháp về phát triển nhà ở xã hội; Nhóm giải pháp quy hoạch kiến trúc, chỉnh trang và quản lý phát triển đô thị; Nhóm giải pháp về khoa học; Nhóm giải pháp về tài chính nhà ở; Nhóm giải pháp về đất đai; Nhóm giải pháp về cơ sở hạ tầng; Các nhóm giải pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều chỉnh và bổ sung trách nhiệm của các đơn vị theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La đến năm 2030 đã được phê duyệt, cụ thể:

1. Sở Xây dựng

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở; tham mưu, đề xuất UBND tỉnh đưa chỉ tiêu phát triển nhà ở; đặc biệt là chỉ tiêu nhà ở xã hội vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các huyện, thành phố trong từng thời kỳ và hàng năm để triển khai thực hiện; chỉ đạo, điều hành và báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm và hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tham mưu với UBND tỉnh tổ chức công bố công khai các khu vực được thực hiện dự án xây dựng kinh doanh nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê được chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền trước khi tổ chức thực hiện các dự án đầu tư; tham mưu với UBND tỉnh quy định cụ thể những khu vực được thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân tự xây dựng nhà ở theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt, đáp ứng các quy định pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan.

- Hướng dẫn, tham gia ý kiến vào các đồ án quy hoạch dự án nhà ở và khu đô thị của các địa phương để bố trí quỹ đất phát triển từng loại nhà ở trên phạm vi địa bàn quản lý.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện việc hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách trên địa bàn (gồm số hộ gia đình đã được hỗ trợ, số nhà ở đã được xây dựng mới hoặc sửa chữa, số tiền hỗ trợ đã cấp cho các hộ gia đình, số tiền huy động được từ các nguồn khác, các khó khăn vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện).

- Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, tham mưu lãnh đạo tỉnh trong việc xem xét phân phối nguồn lực từ ngân sách cho việc phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho các đối tượng có thu nhập thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội trên phạm vi địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, tham mưu xây dựng Quy định về quản lý dự án nhà ở sau đầu tư xây dựng; nghiên cứu, ban hành các mẫu nhà phù hợp với điều kiện và đặc thù của các địa phương để tham khảo, áp dụng.

- Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, kế hoạch với HĐND, UBND tỉnh, Bộ Xây dựng định kỳ và đột xuất theo yêu cầu được giao.

- Phối hợp tham gia ý kiến vào hồ sơ đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án phát triển nhà ở, khu đô thị theo quy định của Luật đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan.

- Tiếp tục rà soát, đánh giá, kiểm định chất lượng các công trình nhà ở trên địa bàn nhằm đẩy nhanh công tác cải tạo, xây dựng lại đối với các công trình nhà ở xuống cấp nghiêm trọng, có nguy cơ mất an toàn trên địa bàn.

- Công bố công khai, minh bạch Kế hoạch phát triển nhà ở, quy hoạch xây dựng các khu nhà ở, khu đô thị, các dự án phát triển nhà ở; hướng dẫn việc triển khai, cơ chế chính sách phát triển nhà ở, quỹ đất để phát triển nhà ở trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

2.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh xem xét, bổ sung các chỉ tiêu phát triển nhà ở vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương 5 năm và hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng tham mưu cân đối nguồn vốn đầu tư hằng năm và trung hạn cho các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, chỉnh trang đô thị theo chủ trương đầu tư được duyệt.

- Phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La vào kế hoạch đầu tư công theo từng giai đoạn, đề cho vay các hộ thuộc tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

2.2. Sở Tài chính

- Căn cứ Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể của cấp có thẩm quyền, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố xác định số tiền tương ứng với giá trị quỹ đất 20% để thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan lập phương án sử dụng nguồn thu từ việc nộp bằng tiền tương đương với giá trị quỹ đất 20% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn;

- Phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình thẩm định giá cho thuê, cho thuê mua đối với nhà ở xã hội khi có yêu cầu;

- Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách hàng năm hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng, nhà ở cho hộ nghèo Đề án hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng, nhà ở cho hộ nghèo được các cấp Bộ ngành Trung ương phê duyệt; cân đối nguồn vốn ngân sách tỉnh hằng năm ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay các hộ thuộc đối tượng vay vốn để mua, thuê mua nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Tham mưu bố trí tối thiểu 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm cho việc đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 và số 05/CT-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2.3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố tham mưu với UBND tỉnh bố trí quỹ đất phát triển nhà ở phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La.

- Chủ trì, rà soát các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị có nhà ở không sử dụng đất trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh gia hạn sử dụng đất hoặc thu hồi đất trong trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn sử dụng đất để giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý theo quy định.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố tham mưu cho UBND tỉnh rà soát, quy hoạch, bố trí quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch khu công nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu các quy định hiện hành của Nhà nước để tham mưu với UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

2.4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

- Phối hợp với các ban, ngành liên quan khi Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Sơn La có ảnh hưởng đến diện tích rừng, đất sản xuất nông nghiệp;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan lập, thẩm định đề án quy hoạch bố trí tái định cư cho dân vùng thiên tai và xây dựng các chương trình, dự án nông thôn mới; xây dựng khu dân cư nông thôn.

2.5. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện trong việc xác định nhu cầu về nhà ở công vụ phát sinh và rà soát nhu cầu về nhà ở xã hội của các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức.

2.6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với UBND huyện, thành phố hàng năm tổ chức rà soát thống kê hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ người có công để làm căn cứ xác định nhu cầu nhà ở để xây dựng kế hoạch hỗ trợ.

- Phối hợp với các Sở Xây dựng, Sở Tài chính trong việc xác định đối tượng người lao động được thuê, thuê mua, mua nhà ở xã hội.

2.7. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội

- Chủ trì, tổ chức quản lý và sử dụng nguồn vốn cho vay ưu đãi để mua, thuê mua nhà ở xã hội; xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở theo quy định Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội...

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung về cho vay nhà ở xã hội. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các cấp, Sở Xây

dụng, các cơ quan chức năng liên quan, tổ chức chính trị - xã hội nahanj ủy thác, tổ tiết kiệm và vay vốn thực hiện xác nhận đối tượng, điều kiện vay vốn ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ và thực hiện trong quá trình xử lý nợ bị rủi ro, tài sản đảm bảo để thu hồi vốn vay.

2.8. Ban Quản lý các khu công nghiệp

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức lập, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư trong quy hoạch phân khu xây dựng, nhiệm vụ và đồ án quy hoạch điều chỉnh tổng thể các quy hoạch khu công nghiệp.

- Tổng hợp, đánh giá nhu cầu sử dụng nhà ở của lao động làm việc trong khu công nghiệp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quy định về nhà ở công nhân cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp đang sản xuất trong khu công nghiệp.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà ở trên địa bàn. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng định kỳ theo quy định.

- Trên cơ sở Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển đô thị, nông thôn để đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở trên địa bàn, đặc biệt là nhà ở xã hội, nhà ở cho các đối tượng có thu nhập thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội để thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương.

- Phối hợp với sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường lập và thực hiện quy hoạch xây dựng các khu nhà ở, khu đô thị trên địa bàn, lập kế hoạch tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh gửi về Sở Xây dựng theo định kỳ để phục vụ xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở năm kế tiếp của tỉnh.

- Chủ trì trong việc giải phóng mặt bằng, quản lý quỹ đất phát triển nhà ở, đặc biệt là quỹ đất 20% phát triển nhà ở xã hội; quản lý thực hiện các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn.

- Thường xuyên cập nhật, báo cáo về công tác cấp phép xây dựng trên địa bàn hàng năm.

- Nghiên cứu, triển khai thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin, duy trì hệ thống thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số 44/2022/NĐ-CP ngày 29/06/2022 của Chính phủ và Quy chế phối hợp thực hiện chế độ báo cáo thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện việc hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn (gồm số hộ gia đình đã được hỗ trợ, số nhà ở đã được xây dựng mới hoặc sửa chữa, số tiền hỗ trợ đã cấp cho các hộ gia đình, số

tiền huy động được từ các nguồn khác, các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị trong quá trình thực hiện).

- Tham mưu, đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách để thúc đẩy thị trường bất động sản ổn định, lành mạnh; Xây dựng các cơ chế huy động các nguồn lực, kêu gọi đầu tư và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, xác định quỹ đất và nguồn vốn để bố trí tái định cư cho các hộ dân thuộc đối tượng di dời, giải phóng mặt bằng trên địa bàn.

4. Trách nhiệm của chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng nhà ở

- Tổ chức xây dựng và triển khai các dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chấp hành đúng các nội dung quy hoạch đã được phê duyệt. Hạn chế tối đa việc điều chỉnh quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đảm bảo nguồn vốn để đầu tư xây dựng dự án đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, thực hiện dự án theo đúng tiến độ, kế hoạch đã được phê duyệt.

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản, mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và các quy định khác có liên quan.

- Báo cáo đầy đủ thông tin về dự án bất động sản theo quy định tại Nghị định số 44/2022/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản./.

Phụ lục 1: DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở ĐANG TRIỂN KHAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Danh mục dự án nhà ở thương mại đang thực hiện trên địa bàn tỉnh

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Diện tích đất ở (ha)	Số lượng nhà ở/ đất ở	Chủ đầu tư	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
I	Thành phố Sơn La (11 dự án)							
1	Dự án Khu dân cư thương mại suối Nậm La - Lô số 5	Phường Chiềng Lè	5,49	2,19	99/225	Liên danh Tây Bắc Thái Dương (Liên danh giữa Công ty Cổ phần đầu tư Tây Bắc và Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Thái Dương)	2018-2021	99 căn (bao gồm 82 căn nhà ở liền kề và 17 căn nhà ở biệt thự) và 126 lô đất nền đủ điều kiện kinh doanh BĐS
2	Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng An	Phường Chiềng An	9,07	4,03	190/344	Công ty Cổ Phần Tập đoàn Picensa Việt nam	2018-2022	92 căn (75 căn nhà ở liền kề và 17 căn nhà ở biệt thự) và 154 lô đất nền đủ điều kiện kinh doanh BĐS; đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng
3	Dự án Khu đô thị số 2, phường Chiềng An	Phường Chiềng An	9,77	3,53	104/239	Công ty CP Tập đoàn Picensa Việt nam	2018-2022	13 căn nhà ở biệt thự đủ điều kiện kinh doanh BĐS; 135 thửa đất nền đủ điều kiện kinh doanh BĐS; đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng
4	Dự án Khu đô thị bản Buôn	Phường Chiềng Cơi	4,14	1,49	121/121	Liên danh An Phú - Thành Môn (Liên danh giữa Công ty cổ phần An Phú Sơn La và Công ty cổ phần Thành Môn)	2019-2024	81 căn đủ điều kiện kinh doanh BĐS (bao gồm 70 căn nhà ở liền kề và 11 căn nhà ở biệt thự); đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng
5	Dự án Khu dân cư lô số 3A	Phường Tô Hiệu	1,69	1,03	27/99	Công ty Cổ phần bất động sản Hano-Vid	2021-2022	27 căn nhà ở liền kề đủ điều kiện kinh doanh BĐS

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Diện tích đất ở (ha)	Số lượng nhà ở/ đất ở	Chủ đầu tư	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
6	Dự án Khu đô thị bán Buồn, bán Mé	Phường Chiềng Cơi	4,74	2,15	46/222	Liên danh Công ty TNHH xây dựng thương mại Kim Sơn và Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Tuấn Cường	2019-2026	11 căn nhà ở liền kề đủ điều kiện kinh doanh BĐS
7	Dự án Khu đô thị số 1, phường Chiềng Sinh	Bản Săng, phường. Chiềng Sinh	9,64	4,97	63/259	Công ty Cổ phần xây dựng TEEL Việt nam	2018-2022	Đang rà soát lại một số nội dung có liên quan
8	Dự án Khu đô thị tại phường Chiềng Lê và phường Chiềng An	Phường Chiềng An, phường Chiềng Lê	6,76	2,22	127/195	Liên danh Picensa - Toàn Cầu (Liên danh giữa Công ty cổ phần tập đoàn Picensa Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Quảng cáo Toàn Cầu)	2021-2026	Đang chuẩn bị đầu tư xây dựng
9	Dự án Khu đô thị Pốt Nọi	Phường Chiềng Cơi	16,04	5,41	24/382	Công ty Cổ phần NTF Hoàng Phát	2022-2024	337 lô đất nền đủ điều kiện KDBĐS; Đang tiếp tục đầu tư xây dựng
10	Dự án số 2 Khu đô thị hồ Tuổi Trẻ	Phường Chiềng An, Chiềng Lê	7,21	2,93	96/270		2022-2025	Đang tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
11	Dự án Khu đô thị mới đầu tuyến tránh Quốc lộ 6	Bản Săng, p. Chiềng Sinh và xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn	35,81	13,98	282/771		2021-2028	Đang tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
II	Huyện Mộc Châu (08 dự án)							
1	Dự án Khu dân cư Tiểu khu 19/8, thị trấn Nông trường	Tiểu khu 19/8, thị trấn Nông	0,69	0,25	24/24	Công ty cổ phần BMI Mộc Châu	2019-2022	24 căn nhà ở liền kề đủ điều kiện kinh doanh BĐS

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Diện tích đất ở (ha)	Số lượng nhà ở/ đất ở	Chủ đầu tư	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
	Mộc Châu	trường Mộc Châu						
2	Dự án Tổ hợp khách sạn, nhà ở và chợ du lịch Mộc Châu, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	5,3	1,44	120/120	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển đô thị Trí Đức	2021-2023	98 căn (82 căn nhà ở liền kề, 04 căn biệt thự đơn lập và 12 căn biệt thự song lập) đủ điều kiện kinh doanh BĐS; đang tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng
3	Dự án Khu đô thị sinh thái kiểu mẫu Mộc Châu	Tiểu khu 19/5, Tiểu khu 40, Tiểu khu Nhà Nghỉ, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	98,8	22,68	590/1096	Liên danh Công ty cổ phần Hà Ban, Tổng công ty xây dựng Hà Nội – CTCP, Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Tây Hà, Công ty cổ phần đầu tư xây lắp điện nước và xây dựng, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lương Tài (Liên danh HHTLL)	2020-2027	Đang rà soát lại một số nội dung có liên quan
4	Khu dân cư mới (khu vực 2.5, 2.6, 2.10)	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu và xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	58,38	12,25	69/312		2022-2028	Đã có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; Đang tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
5	Khu dân cư Trung tâm hành chính tiểu khu 14 (lô đất OBD)	Thị trấn Mộc Châu	1,97	1,11	51/51	Công ty cổ phần Bất động sản Đồng Quê	2022-2025	Đã có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất
6	Nhà ở thương mại và hạ tầng khu đô thị Tây Tiến	Thị trấn Mộc Châu	3,31	0,15	99/99	Công ty TNHH Phúc Anh	2022-2025	Đã có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất

TT	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô (ha)	Diện tích đất ở (ha)	Số lượng nhà ở/ đất ở	Chủ đầu tư	Tiến độ triển khai thực hiện	Ghi chú
7	Dự án Khu nhà ở tại vị trí trụ sở Kho bạc nhà nước (cũ), thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu	0,12	0,10	9/9	Công ty TNHH Tân Hưng	2022-2023	Đang lập, trình thẩm định phê duyệt dự án
8	Dự án Khu dân cư tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu	4,68	1,48	153/169		2021-2025	Đang tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư
III	Huyện Vân Hồ (01 dự án)							
1	Dự án xây dựng Khu nhà ở hỗn hợp và trung tâm thương mại Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Tiểu khu Sao Đỏ II, xã Vân Hồ	3,80	1,86	144/144		2019-2022	Đang tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất
IV	Huyện Mai Sơn (01 dự án)							
1	Dự án Khu đô thị mới Cò Nòi, xã Cò Nòi	Tiểu khu 2, tiểu khu 3 và bản Lạnh, xã Cò Nòi	17,64	8,13	135/780	Công ty Cổ phần Bất động sản Mỹ	2020-2022	Đang thực hiện BT, GPMB

Nguồn: Sở Xây dựng tỉnh Sơn La

Ghi chú:

- Đến thời điểm 31/10/2023, ngoài các dự án đã có chủ đầu tư thì còn một số dự án đã có chủ trương đầu tư và đang trong quá trình lựa chọn chủ đầu tư thực hiện dự án thông qua hình thức đấu thầu, đấu giá theo quy định.

**Phụ lục 2: DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN
KÊU GỌI, THU HÚT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2024 (*)**
(Kèm theo Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Danh mục vị trí, khu vực dự kiến phát triển các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
I	Thành phố Sơn La					
1	Khu đô thị Tây Nam thành phố	Xã Hua La	46,21	2024	Công văn số 958-CV/TU ngày 01/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La	
2	Khu dân cư, dịch vụ, thể dục thể thao Phiêng Khá	Phường Chiềng Cơi	20,61	2024	Công văn số 781-CV/TU ngày 04/8/2021 của Tỉnh ủy; Công văn số 2448/UBND-KT ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Sơn La; Quyết định số 3389/QĐ-UBND ngày 22/11/2023	
3	Khu đô thị số 1	Bản Co Pục, xã Chiềng Ngần	45	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
II	Huyện Mộc Châu					
1	Khu ở số 3 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu	Bản Nà Bó 2, xã Mường Sang và thị trấn Mộc Châu	28,18	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
2	Khu nhà ở Thảo Nguyên 1, thị trấn Nông Trường Mộc Châu	Tiểu khu Cấp 3, TTNTMC	11,44	2024	Quyết định số 3557/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					phân khu trung tâm thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.	
3	Khu dân cư dịch vụ du lịch Đồi Chè	TTNTMC, xã Phiêng Luông	231,93	2024	- Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La - Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc sửa tên và phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Trung tâm du lịch trọng điểm và vùng đệm phía Nam thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	Thuộc khu 1.1 và một phần 4.0 của 730/QĐ-UBND và khu 8 và 2h quy hoạch 46/QĐ-UBND)
4	Khu dân cư dịch vụ cửa ngõ	Bản Muồng, xã Phiêng Luông	39,15	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Theo QH được duyệt (thuộc khu 2.1)
5	Khu ở tiểu khu Bó Bun, thị trấn Nông trường Mộc Châu (khu số 05)	Tiểu khu Bó Bun, TTNTMC	9,28	2024	Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu trung tâm thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
6	Khu dân cư cửa ngõ	Tiểu khu Chiềng Đi, TTNTMC	66,72	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu.	Khu 3.1 và 3.4

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
7	Khu dân cư mới lân cận trung tâm du lịch trọng điểm - ký hiệu 4.0 thuộc khu du lịch quốc gia Mộc Châu.	TTNTMC	47,68	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La.	
8	Khu ở số 2 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Bản Nà Bó 2, xã Mường Sang	14,44	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
9	Khu phố núi và biệt thự sinh thái	Bản Lồm Xồm, xã Phiêng Luông	66	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Theo QH được duyệt (thuộc khu 1.4 và 1.2)
10	Khu dân cư dọc suối Ang	Tiểu khu cấp 3, 70, 40, Bệnh viện 1, 32, Nhà nghỉ thị trấn Nông trường Mộc Châu	46,90	2024	Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu trung tâm thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.	
11	Khu dân cư tiểu khu 40, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Tiểu khu 40, TTNTMC	1,25	2024	Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu trung tâm thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
12	Khu ở số 1 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Tiểu khu 12,13,14 TTMC và Nà Bó 1 xã Mường Sang	36,9	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
13	Khu ở số 4 dân cư hai bên tuyến đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Tiểu khu 1, tiểu khu Bán Mòn, thị trấn Mộc Châu	75	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
14	Khu dân cư dịch vụ sân golf	Bản Xôm Lôm, xã Phiêng Luông	119,5	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Điều chỉnh quy mô khu vực theo Công văn số 5126/UBND-KT ngày 13/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
15	Khu nhà ở, thương mại dịch vụ và khu khách sạn ngã ba Quốc lộ 6 - Quốc lộ 43	TTMC	2,86	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
16	Khu dân cư tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu	TTMC	0,4	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
17	Khu biệt thự và sân golf public	Bản Xôm Lôm, xã Phiêng Luông	99,8	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Theo QH được duyệt (Khu 2.2)

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
18	Khu dân cư dịch vụ du lịch	Tiểu khu Chiềng Đì, thị trấn Nông trường Mộc Châu	51,75	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Theo QH được duyệt (Khu 3.2 và một phần 5.0)
19	Khu dân cư lân cận trung tâm du lịch trọng điểm	Tiểu khu Thảo Nguyên, thị trấn Nông trường Mộc Châu	45	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Theo QH được duyệt (Khu 4.0)
20	Khu dân cư và dịch vụ bản Búa	Bản Búa, xã Đông Sang	21,76	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
21	Khu dân cư tám hai	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	36,42	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
22	Khu dân cư sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu và xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	62	2024	Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư dịch vụ, du lịch sinh thái thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Khu khách sạn và dân cư dịch vụ, Khu biệt thự núi, resort nghỉ dưỡng (khu 2.5 và 2.6)
23	Khu nhà ở lô Lâm Sản tại Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu	0,47	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					duyet Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
24	Khu nhà ở tại lô LDV-6, tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu	Tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu	0,07	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
26	Khu nhà ở tại lô HH-01, khu TTHC huyện Mộc Châu	Tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	0,91	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
27	Khu dân cư số 7	Xã Phiêng Luông và xã Vân Hồ	95	2024	Quyết định số 46/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc sửa tên và phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Trung tâm du lịch trọng điểm và vùng đệm phía Nam thuộc Khu du lịch quốc gia Mộc Châu	Thuộc khu 2i và 2g
28	Khu dân cư mới kết hợp với du lịch sinh thái tiểu khu 19/5	Tiểu khu 77, xã Phiêng Luông (nay là tiểu khu 19/5, thị trấn nông trường Mộc Châu	30,5	2024	Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu trung tâm thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	
29	Khu dân cư tiểu khu 14	Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu	13,73	2024	Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu Trung tâm thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
III	Huyện Mường La					
1	Khu dân cư mới Hua Nà	Hua Nà, thị trấn Ít Ong	17,4	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
2	Khu dân cư mới Nà Nong	Nà Nong, Thị trấn Ít Ong	15,6	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
3	Khu dân cư mới Nà Tông	Nà Tông, Thị trấn Ít Ong	18,2	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
4	Khu dân cư mới Nà Lo	Nà Lo, Thị trấn Ít Ong	19,14	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
5	Nhà ở khu dân cư huyện Mường La	Thị trấn Ít Ong	22,4	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
IV	Huyện Sông Mã					
1	Khu dân cư mới Nang Cầu xã Nà Nghịu	Bản Nang Cầu, xã Nà Nghịu	25	2024	Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND huyện Sông Mã v/v cho phép lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đô thị Nang Cầu, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã	
2	Khu dân cư mới Na Nghịu xã Nà Nghịu	Bản Nà Nghịu, xã Nà Nghịu	1,1861	2024	Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh Sơn La v/v	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
V	Huyện Vân Hồ					
1	Khu nhà ở hỗn hợp và trung tâm thương mại Vân Hồ	Trung tâm hành chính huyện Vân Hồ	3,8	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
2	Khu dân cư số 1	Xã Vân Hồ	55	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
3	Khu dân cư số 2	Xã Vân Hồ	73	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
4	Khu dân cư số 5	Xã Vân Hồ	67	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
5	Khu đô thị, du lịch sinh thái Vân Hồ	tiểu khu Sao Đỏ 1, Sao Đỏ 2, xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ	71	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
6	Khu đô thị sinh thái trị liệu giữa mây trời Vân Hồ	Xã Vân Hồ	170	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
VI	Huyện Mai Sơn					
1	Khu đô thị phía Tây thị trấn Hát Lót	Thị trấn Hát Lót	15,6	2024	Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
2	Khu đô thị số 3 - Tiểu khu 8	Thị trấn Hát Lót	19,5	2024	Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
3	Khu đô thị tiểu khu IV (Trung tâm hành chính cũ)	Thị trấn Hát Lót	20	2024	Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
VII	Huyện Yên Châu					
1	Chỉnh trang đô thị tiểu khu 1, khu dân cư nông thôn mới xã Viêng Lán	Thị trấn Yên Châu	11,78	2024	Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND tỉnh V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, giai đoạn 2015-2025; Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị và mở rộng diện tích vùng phụ cận Thị trấn Yên Châu, giai đoạn 2020-2025; Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					<p>29/7/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị và mở rộng diện tích vùng phụ cận thị trấn Yên Châu, giai đoạn 2020-2025;</p> <p>Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện Yên Châu V/v phê duyệt tổng mặt bằng khu vực thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La;</p> <p>Quyết định số 1277/QĐ-UBND Quyết định chấp thuận chủ trương và Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 4/11/2023 của UBND về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La</p>	
2	Đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu	Thị trấn Yên Châu	0,96	2024	<p>Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 13 tháng 2 năm 2018 của UBND tỉnh V/v phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, giai đoạn 2015-2025;</p> <p>Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị và mở rộng diện tích vùng phụ cận Thị trấn Yên Châu,</p>	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					giai đoạn 2020-2025; Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 29/7/2022 của UBND tỉnh V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị và mở rộng diện tích vùng phụ cận thị trấn Yên Châu, giai đoạn 2020-2025; Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện Yên Châu V/v phê duyệt tổng mặt bằng khu vực thực hiện dự án Đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Quyết định số 1277/QĐ-UBND Quyết định chấp thuận chủ trương và Quyết định số 2497/QĐ-UBND ngày 24/11/2023 của UBND về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tiểu khu 1, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	
VIII	Huyện Thuận Châu					
1	Khu dân cư số 1 xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	15	2024	Quyết định số 4224/QĐ-UBND huyện Thuận Châu ngày 14/9/2023 về phê duyệt Đồ án quy hoạch chung nông thôn xã Chiềng Pắc, huyện Thuận châu giai đoạn 2022-2030	
2	Khu dân cư số 2 xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	10	2024	Quyết định số 4224/QĐ-UBND huyện Thuận Châu ngày 14/9/2023 về phê	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					duyet Đồ án quy hoạch chung nông thôn xã Chiềng Pắc, huyện Thuận châu giai đoạn 2022-2030	
3	Khu dân cư số 1 xã Chiềng Ly và Xã Phổng Lãng	Xã Chiềng Ly, Phổng Lãng	15	2024	Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 09/06/2023 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
4	Khu dân cư số 2 xã Chiềng Ly và xã Phổng Lãng	Xã Chiềng Ly, Phổng Lãng	12	2024	Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 09/06/2023 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
5	Khu dân cư Tông Lạnh	Xã Tông Lạnh	8,21	2024	Thuộc Quy hoạch chi tiết Xây dựng 1/500 Khu ở tại xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu	
6	Chỉnh trang đô thị và xây dựng khu dân cư xã Chiềng Ly và thị trấn Thuận Châu	Xã Chiềng Ly	16	2024	Quyết định số 1005/QĐ-UBND ngày 09/06/2023 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
IX	Huyện Bắc Yên					
1	Khu dân cư mới thị trấn Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	36,43	2024	Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 21/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La, về	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					<p>việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất, giao thông và hạ tầng kỹ thuật thuộc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2030; Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND huyện Bắc Yên. Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh mở rộng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới thị trấn Bắc Yên</p>	
2	Khu dân cư mới Hồ Phiêng Ban (nhà khách UBND huyện cũ)	Thị trấn Bắc Yên	0,23	2024	<p>Quyết định số 3175/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 Quyết định số 3171/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh Sơn La, về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần Thành Môn để giao cho UBND thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên; Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh Sơn la, về phê duyệt chỉnh cục bộ quy hoạch sử dụng đất, giao thông và hạ tầng kỹ thuật thuộc đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên giai đoạn 2016-2025 định hướng đến năm 2030 (Lô CCC3, SKC10, BDX2, CXC10)</p>	

TT	Hình thức đầu tư	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
X	Huyện Phù Yên					
1	Khu dân cư mới Phù Hoa	Huyện Phù Yên	9,9	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
2	Khu dân cư mới xã Huy Hạ	Xã Huy Hạ	4,95	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
3	Khu dân cư mới xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	9,7093	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
4	Khu dân cư mới xã Quang Huy	Xã Quang Huy	10,79	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
5	Khu dân cư mới xã Gia Phù	Xã Gia Phù	15	2024	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	

Ghi chú: Ngoài các dự án nêu trên, UBND tỉnh Sơn La sẽ căn cứ tình hình thực tế để cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

(1) Vị trí, khu vực dự kiến phát triển nhà ở tại Phụ lục 2 được thống kê căn cứ theo các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt và UBND các huyện, thành phố đề xuất bằng văn bản.

(2) Việc chấp thuận dự án đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư đối với vị trí, khu vực tại Phụ lục II sẽ được cơ quan có thẩm quyền thực hiện căn cứ: Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các luật khác có liên quan.

2. Danh mục vị trí dự kiến triển khai các dự án nhà ở xã hội

TT	Vị trí, khu vực	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến khởi công	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
I	Thành phố Sơn La					
1	Nhà ở xã hội tại bản Lay và Tổ 5 phường Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh	6,54	2024	Công văn số 170/UBND-KT ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Sơn La	

Ghi chú: Ngoài ra tập trung phát triển quỹ đất nhà ở xã hội tại các vị trí quỹ đất 20% tại các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh.

Phụ lục 3: DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN THU HÚT ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 2920/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND tỉnh)

TT	Vị trí, khu vực	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
I	Thành phố Sơn La					
1	Khu đô thị mới phường Chiềng Cơi	Phường Chiềng Cơi	6,4	2025	Thông báo số 178/TB-VPUB ngày 09/4/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh	
2	Khu đô thị giải trí cao cấp gắn với sân Golf	Phường Chiềng Sinh	30	2025	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
II	Huyện Vân Hồ					
1	Khu dân cư sinh thái mới Hua Tật	Xã Vân Hồ	6,5	2025	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
2	Khu nhà ở kết hợp nghỉ dưỡng Vân Hồ	Xã Vân Hồ	60	2025	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
3	Khu dân cư mới (khu vực 2.5, 2.6, 2.10)	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu và Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	41	2025	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
4	Khu đô thị, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ	30	2025	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung	

TT	Vị trí, khu vực	Địa điểm	Quy mô (ha)	Năm dự kiến kêu gọi	Văn bản pháp lý có liên quan	Ghi chú
					danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
5	Khu dân cư sinh thái kết hợp du lịch bền vững	Bản Suối Lìn, xã Vân Hồ	6	2025	Quyết định số 2476/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025	
III	Huyện Mai Sơn					
1	Khu đô thị số 1 - Tiểu khu 1,2	Thị trấn Hát Lót	30	2025	Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
2	Khu đô thị số 2 - Tiểu khu 1,2	Thị trấn Hát Lót	50	2025	Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án Quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035	
3	Khu đô thị Tiên Phong 1	Xã Hát Lót	30	2025	Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035	

Ghi chú: Ngoài các dự án nêu trên, UBND tỉnh Sơn La sẽ căn cứ tình hình thực tế để cập nhật, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

(1) Vị trí, khu vực dự kiến phát triển nhà ở tại Phụ lục 2 được thống kê căn cứ theo các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt và UBND các huyện, thành phố đề xuất bằng văn bản.

(2) Việc chấp thuận dự án đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư đối với vị trí, khu vực tại Phụ lục II sẽ được cơ quan có thẩm quyền thực hiện căn cứ: Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các luật khác có liên quan.